

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3375/GPMT-UBND

Nghệ An, ngày 29 tháng 7 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 27/TPNA ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An về việc hoàn thiện chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy chế biến dừa xuất khẩu công suất 5000 tấn SP/năm tại xã Quỳnh Tam và hồ sơ nộp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 9593/SNNMT-BVMT ngày 24 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An, địa chỉ tại số 47, đường Nguyễn Cảnh Hoan, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến dừa xuất khẩu công suất 5000 tấn

SP/năm tại xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến dưa xuất khẩu công suất 5000 tấn SP/năm.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: mã số 2900422657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần đầu ngày 05/12/2000 và thay đổi lần 10 ngày 10/7/2025.
- 1.4. Mã số thuế: 2900422657.
- 1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: sản xuất chế biến rau củ quả xuất khẩu.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở
 - Tổng diện tích sử dụng đất: 49.189,3 m².
 - Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án đầu tư Nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.
 - Quy mô: cơ sở có quy mô tương tự dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Công suất: 5000 tấn SP/năm.
 - Công nghệ sản xuất:
 - + Quy trình sản xuất nước ép hoa quả cô đặc, puree: hoa quả đã được cắt bỏ cuống, lá, vỏ → Ngâm rửa kiểm tra → Ép tách nước → Tinh lọc nước → Thanh trùng → Thu hồi hương liệu → Tiệt trùng → Làm lạnh → Rót vô trùng → Kho thành phẩm.
 - + Quy trình sản xuất IQF: nguyên liệu → Chọn, phân loại → Sơ chế 1 → Ngâm sát trùng → Rửa 1 → Sơ chế 2 → Rửa 2 → Tạo hình → Xử lý lại → Chần, làm nguội, để ráo nước → Cấp đông nhanh → Đóng gói → Dò kim loại → Bảo quản trữ đông → Xuất hàng.
 - + Quy trình sản xuất sản phẩm sấy: nguyên liệu BTP → Sơ chế, ngâm sát khuẩn → Chần → Làm nguội → Ủ đường (nếu có) → Xếp khay → Sấy → Hút ẩm → Áo đường, sấy lạnh (nếu có) → Kiểm tra Dò kim loại, đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Quỳnh Tam và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận: /

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND xã Quỳnh Tam;
- Công ty Cổ phần TP Nghệ An;
- Lưu VT. NN (V).



Nguyễn Văn Đệ

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~3338~~ /GPMT-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại nhà máy.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt từ bếp ăn của nhà máy.
- Nguồn số 03: nước thải sản xuất từ hoạt động rửa nguyên liệu và vệ sinh máy móc nhà xưởng.
- Nguồn số 04: nước thải từ vệ sinh lò hơi của nhà máy (không thường xuyên).
- Nguồn số 05: nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp của nhà máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ Khe Lều nằm cạnh nhà máy về phía Đông Nam thuộc địa bàn xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: tại vị trí đầu nối vào hồ Khe Lều nằm cạnh nhà máy về phía Đông Nam thuộc địa bàn xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2128887$, $Y(m) = 584756$ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Điểm xả thải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $450 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tương đương $18,75 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với $K_q = 0,6$; $K_f = 1,1$) được bơm cưỡng bức vào hệ thống đường ống HDPE D100 dài 300m, chảy về nguồn tiếp nhận là hồ Khe Lều.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục, 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q=0,6$; $K_f=1,1$); kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải vào hồ khe Lều phải đảm bảo QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A $K_q=0,6$ và $K_f=1,1$)	QCVN 40:2025/BTNMT (cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Màu	Pt/Co	50	≤ 50	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6 - 9	6 - 9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	19,8	≤ 40		
4	COD	mg/l	49,5	≤ 65		
5	Tổng Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	33	≤ 40		
6	Amoni	mg/l	3,3	$\leq 5,0$		
7	Tổng Nito	mg/l	13,2	≤ 40		
8	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	2,64	≤ 20		
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	3,3	$\leq 1,0$		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	-	$\leq 5,0$		
11	Niken	mg/l	0,132	$\leq 0,1$		
12	Clo dư	mg/l	-	$\leq 1,0$		
13	Chloroform	mg/l	-	$\leq 0,3$		
14	Coliform	VK/100ml	3.000	≤ 3.000		

Ghi chú: “-” Không quy định trong quy chuẩn.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ thiết bị vệ sinh được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn và kết nối với hồ gas hệ thống gom nước thải tập trung bằng ống PVC D=40mm chiều dài khoảng 100m, sau đó được thu gom bằng ống PVC D=250mm dài khoảng 550m về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 450 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ nhà bếp được thu gom đổ về bể tách dầu và dẫn bằng ống PVC D=100mm chiều dài khoảng 50m đến hồ gas và dẫn bằng ống PVC DN250 về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 450 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: nước thải sản xuất từ hoạt động rửa nguyên liệu và vệ sinh máy móc nhà xưởng được thu bằng hệ thống mương thu gom có kích thước 30x30 với chiều dài khoảng 550m chảy về hệ thống xử lý nước thải có công suất 450 m³/ng.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D=600mm có chiều dài 150m đến hệ thống mương thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 450 m³/ng.đêm của nhà máy để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D=110mm có chiều dài 10m đến hệ thống mương thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy có công suất 450 m³/ng.đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Số lượng, vị trí: 03 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích các bể tự hoại là 32,25 m³, kết cấu bể bằng bê tông cốt thép.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ nhà vệ sinh (bệ xí, bệ tiểu) → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.2.2. Bể tách mỡ

- Số lượng, vị trí: 01 bể tách dầu mỡ đặt cạnh khu vực bếp của nhà ăn ca, thể tích 7m³, kết cấu bể bằng bê tông cốt thép.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ nhà bếp, nhà ăn → bể tách dầu mỡ → vớt dầu, mỡ được kết tụ tại bể → nước thải sau khi tách dầu mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt (được xử lý sơ bộ) → Bể Biogas → Bể Trung gian → Bể Anoxic → Cụm bể Arotank → bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (hồ Khe Lều nằm cạnh nhà máy về phía Đông Nam thuộc địa bàn xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An).

- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ.

- Công suất thiết kế: 450 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Chlorine, Citric.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên giám sát hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường. Tuân thủ nghiêm túc nội quy, quy định trong công tác thực hiện các biện pháp an toàn trong vận hành, bảo vệ môi trường. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, chuyển giao công nghệ, lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải một cách thường xuyên đúng theo hướng dẫn kỹ thuật.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế thiết bị của các công trình xử lý nước thải.

- Đối với lỗi sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống sẽ tạm ngừng vận hành để khắc phục sự cố nhanh nhất có thể.

- Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí): sử dụng máy bơm dự phòng, ngừng vận hành hệ thống xử lý và đưa thiết bị hỏng hóc đi sửa chữa hoặc phối hợp với nhà cung cấp thiết bị để bảo hành.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố: tạm dừng vận hành hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, nhanh chóng xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố và đưa hệ thống xử lý nước thải trở lại hoạt động bình thường. Liên hệ với đơn vị có đủ năng lực để thực hiện chuyển giao, xử lý trong trường hợp sự cố kéo dài, các bể xử lý không đủ khả năng lưu chứa hoặc là tạm dừng sản xuất hoặc hợp đồng thuê các bồn chứa để lưu trữ tạm thời lượng nước thải phát sinh trong thời gian chờ khắc phục, cam kết không xả nước thải không đạt quy chuẩn cho phép ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến: 06 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 450 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào.

- Mẫu nước thải đầu ra tại điểm xả thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) của công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí nhân lực, thiết bị và hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải bố trí hố ga lắng chặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức công trình xử lý nước thải: sổ nhật ký gồm các thông tin như: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

- Có bảng thể hiện sơ đồ quy trình của hệ thống xử lý nước thải được gắn tại khu vực hệ thống xử lý nước, các bể xử lý nước thải được gắn biển tên bể để dễ theo dõi, kiểm tra và vận hành.

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do xả thải gây ra, chủ cơ sở báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Quỳnh Tam.

- Phải có đồng hồ đo lưu lượng nước thải; điểm xả nước thải được lắp biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3335 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải ống khói lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m) = 2128886, Y(m) = 584751 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 104⁰45', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép là 20.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: gián đoạn, theo ca sản xuất, khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B, C_{max} (K_p = 1,0; K_v = 1,2) được thải ra môi trường qua ống khói lò hơi.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K_p = 1,0; K_v = 1,2); kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột C), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT cột B, K _p = 1,0; K _v = 1,2	QCVN 19:2024/BTNMT Cột C		
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	Không thuộc đối	Không thuộc đối
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	240	≤ 60(6)		

3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	600	≤ 400(6)	tượng	tượng
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1020	≤ 450(6)		
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1200	≤ 450(6)		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải lò hơi được thu gom về hệ thống xử lý khí thải bằng đường ống và quạt hút để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: khí thải lò hơi → Hệ thống cyclone → Bể đập bụi bằng nước vôi trong → Ống khói ra môi trường.

- Công suất thiết kế lò hơi: công suất lò hơi 4 tấn hơi/giờ.

- Hóa chất sử dụng: nước vôi trong.

1.3. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Khi phát hiện sự cố từ hệ thống xử lý khí thải, việc thực hiện ứng cứu theo quy trình sau:

+ Ngừng hoạt động của hệ thống bị hỏng.

+ Tiến hành các biện pháp sửa chữa kịp thời và chỉ hoạt động trở lại sau khi sự cố đã được khắc phục.

+ Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải (được xây dựng trong hồ sơ thiết kế hệ thống xử lý khí thải).

- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trường hợp sự cố thường gặp

+ Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu có sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1 - Bảo đảm an toàn về con người, 2 - An toàn tài sản, 3 - An toàn công việc.

- Ban hành quy trình vận hành, quy trình xử lý, ứng phó sự cố lò hơi; đảm bảo hệ thống máy móc, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: ống khói lò hơi sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định 03 ngày liên tiếp. Tần suất quan trắc là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với ít nhất 03 mẫu khí thải tại ống khói lò hơi).

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo bố trí nhân lực, thiết bị và hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Vận hành công trình xử lý khí thải đúng quy trình kỹ thuật; ống khói phải có điểm (cửa), giàn thao tác lấy mẫu theo quy định, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

- Tại các xưởng sản xuất lắp đặt các quạt thông gió, quạt hút bụi công nghiệp được bố trí bên hông các nhà xưởng, hoạt động liên tục trong quá trình sản xuất.

- Đối với khí thải khu vực nhà bếp: nhà bếp sử dụng nguyên liệu đốt để đun nấu là gas, các thiết bị khác dùng điện; trang bị bộ phận hút và lọc khói bếp (đồng bộ) trước khi thải ra môi trường.

- Đối với khí thải của máy phát điện: sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh tối đa (S) <1% để chạy máy phát điện đảm bảo nồng độ khí thải của máy phát điện nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở.

- Đối với mùi phát sinh từ kho tập kết rác, hệ thống thoát nước thải: định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố ga và trường hợp cần thiết sẽ phun chế phẩm sinh học tại các vị trí tập kết rác, hệ thống xử lý nước thải để giảm mùi hôi.

- Trường hợp nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường không khí, chủ đầu tư phải báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Quỳnh Tam.

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3**NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống dây chuyền, thiết bị sản xuất của nhà máy.

- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung từ nhà xưởng sản xuất: X(m) = 2129203; Y(m) = 584664.

- Nguồn số 02: tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng: X(m) = 2129196; Y(m) = 584694.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; từ 01/01/2027 đảm bảo đạt ngưỡng cho phép của QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú	Thời gian áp dụng
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		QCVN 26:2010/ BTNMT	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường	Áp dụng đến ngày 31/12/2026
	70	55					
2	Ngày (06h00 đến	Tối (18h00 đến	Đêm (22h00 đến	QCVN	Không thuộc	Khu	Áp dụng từ ngày

	trước 18h00)	trước 22h00)	trước 06h00)	26:2025/ BTNMT	đối tượng	vực B	01/01/2027
	55	50	45				

3.2. Độ rung

Độ rung đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, từ 01/01/2027 đảm bảo đạt ngưỡng cho phép của QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú	Thời gian áp dụng
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	QCVN 27:2010/ BTNMT	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường	Áp dụng đến ngày 31/12/2026
	70	60				
2	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ	QCVN 27:2025/ BTNMT	Không thuộc đối tượng	Khu vực B	Áp dụng từ ngày 01/01/2027
	65	60				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các phương tiện giao thông phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn về tiếng ồn theo quy định, thường xuyên bảo trì và bảo dưỡng phương tiện.

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào cơ sở hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu; phân công cán bộ điều khiển xe ra vào nhà máy để tránh trường hợp bị ùn tắc.

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám, thay các chi tiết hư hỏng) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Máy móc thiết bị đã được lắp đặt với các chân đế, bộ phận chống rung động đảm bảo theo quy định; thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Máy phát điện được bố trí ở khu vực riêng biệt.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn ít nhất 6 tháng/lần.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn) cho nhân viên làm việc tại các khu vực có độ ồn lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Quá trình vận hành các thiết bị, máy móc phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo các thiết bị hoạt động hiệu quả, hạn chế tiếng ồn.

- Công ty Cổ phần thực phẩm Nghệ An chịu hoàn toàn trách nhiệm khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: dự kiến khoảng 740 kg/năm.

TT	Tên chất thải	Mã CT	Trạng thái	Phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		
					2024	2025	2026
1	Dầu mỡ bảo dưỡng thiết bị	17 02 02	Rắn	NH	500	50	200
2	Giẻ lau dầu mỡ	18 02 01	Rắn	KS	10	50	200
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	5	10	7
4	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	Rắn	NH	55	150	323
5	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	Rắn	KS	20	230	10
Tổng					590	490	740

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: dự kiến khoảng 27.375 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên: dự kiến khoảng 3.580 tấn/năm.

TT	Chủng loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Vỏ, hạt các loại quả	1.500
2	Vỏ các loại còn lại	1.267

TT	Chủng loại	Khối lượng (tấn/năm)
3	Bã thải các loại	800
4	Bụi tro từ hệ thống lò hơi	10
5	Các loại chất thải rắn thông thường khác (thùng carton, bao PE...)	3
6	Tank lọc than hoạt tính	0,2
	Tổng	3.580,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 04 thùng chứa dung tích khác nhau chứa chất thải nguy hại đặt trong kho chứa chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 8m².

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: kho có kết cấu bằng bê tông cốt thép có mái tôn che, có khóa nền láng xi măng, có lót cát, có gờ chống tràn đổ, có biển báo và có dán các mã chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 20 thùng chứa có nắp đậy dung tích 60 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 24m².

- Thiết kế cấu tạo của khu lưu chứa trong nhà: kho có mái che, có biển báo. Chất thải được phân loại theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với vỏ, hạt các loại quả được sử dụng làm nhiên liệu đốt lò hơi (lưu chứa kho chứa nhiên liệu lò hơi, kho kín có mái che và diện tích: 400m²).

- Đối với bã thải vỏ các loại: đơn vị hợp đồng chuyển giao cho đơn vị sản xuất phân bón vi sinh, không lưu trữ tại nhà máy (khu vực tập kết chất thải này

được bố trí tại khu lưu chứa vỏ tạm sau sản xuất, khu vực này nhà máy phủ bạt các sọt chứa bã để tránh nước mưa chảy tràn và thu gom hàng ngày).

- Đối với tro xỉ lò hơi: chủ yếu nguyên liệu là chất đốt như trấu, mùn cưa và các loại vỏ hạt với công nghệ đốt lò hơi tầng sôi cháy hoàn toàn. Nền lượng xỉ tro bay phát sinh từ lò hơi theo khói thải, được thu hồi qua các thiết bị lọc bụi (cyclone) được đơn vị thu gom vào các túi vải và tập kết ở kho lưu chứa có diện tích 276m² nằm ở phía Đông khu đất nhà máy; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển theo quy định.

2.3.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 276m².

- Thiết kế cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: kho có mái che, có biển báo, có gờ chắn nước rỉ rác từ chất thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện kế hoạch biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ; duy trì hệ thống, thiết bị và lực lượng PCCC sẵn sàng theo quy định.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố.

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải và đầu tư trang thiết bị bảo đảm sẵn sàng ứng phó sự cố.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn nội dung phải thực hiện theo quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; đảm bảo đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực cơ sở.

3. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện; chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực nhà máy.

4. Quản lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình triển khai, hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026NĐ-

CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Pháp luật.

7. Thực hiện quan trắc chất lượng nước mặt hồ Khe Lều theo đúng quy định hiện hành.

8. Cam kết bổ sung đầy đủ các hạng mục công trình vào hồ sơ điều chỉnh quy hoạch 1/500 của nhà máy.

9. Có kế hoạch, lộ trình nâng cấp và cải tạo hệ thống xử lý nước thải, khí thải nhằm bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng các yêu cầu của QCVN 40:2025/BTNMT (cột A), khí thải sau xử lý đáp ứng các yêu cầu của QCVN 19:2024/BTNMT kể từ ngày 01/01/2032.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định./.